

Số: 77 /QĐ-KTNS

Bình Định, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ban Kinh tế - Ngân sách
HĐND tỉnh về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020**

SỞ TÀI CHÍNH BÌNH ĐỊNH	
ĐẾN	Số: 19165
	Ngày: 04/10/2021
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH HĐND TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của
HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-TTHĐND ngày 03 tháng 02 năm 2021 của
Thường trực HĐND tỉnh về Kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Chương
trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ban Kinh tế - Ngân sách
HĐND tỉnh về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn
tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Phạm vi, đối tượng, nội dung giám sát

1. Phạm vi giám sát: Việc thực hiện các quy định của pháp luật về công
tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh từ ngày
01/01/2018 đến ngày 31/12/2020.

2. Đối tượng giám sát: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND
các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác các
công trình thủy lợi.

3. Nội dung giám sát: Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn,
vướng mắc, xác định nguyên nhân, chỉ rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát

1. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 80 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.

2. Tổ chức thực hiện việc giám sát theo các nội dung của Kế hoạch giám sát ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thông báo kết quả giám sát đến các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng giám sát; tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát cho Thường trực HĐND tỉnh sau khi hoàn thành công tác giám sát theo Kế hoạch.

4. Đoàn giám sát tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Các thành viên Đoàn giám sát và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị được giám sát;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Ban KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Phạm Tấn Thành



DANH SÁCH

Thành viên Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020

(Kèm theo Quyết định số: 77/QĐ-KTNS ngày 30/9/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

I. THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Trưởng đoàn: Ông Phạm Tấn Thành, Trưởng ban Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

2. Phó Trưởng đoàn: Ông Nguyễn Thanh Vũ, Phó Trưởng ban Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

3. Các thành viên là Ủy viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Định;
- Ông Phạm Vĩnh Thái, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Định;
- Nguyễn Văn Dũng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Phù Mỹ;
- Ông Lê Thanh Tùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn;
- Bà Phạm Thị Thanh Hương, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định;
- Bà Nguyễn Thị Tố Trân, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.
- Ông Đặng Mạnh Cường, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Quy Nhơn;

II. ĐẠI BIỂU MỜI THAM GIA ĐOÀN GIÁM SÁT

- Đại diện lãnh đạo Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính;
- Đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Mời Thường trực HĐND và đại diện Lãnh đạo Ban Kinh tế - Xã hội HĐND cấp huyện tham gia khi Đoàn giám sát đến làm việc trực tiếp tại UBND các huyện, thị xã, thành phố (nếu có).

III. THAM MƯU, GIÚP VIỆC ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Bà Ngô Thị Ánh Tuyết, Phó trưởng phòng Phòng Công tác HĐND, thuộc Văn Phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Thiện – Chuyên viên Phòng Công tác HĐND, thuộc Văn Phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.



KẾ HOẠCH

**Giám sát về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020**

*(Kèm theo Quyết định số: 77/QĐ-KTNS ngày 30/9/2021
của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thông qua hoạt động giám sát để đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020; qua đó, xác định những khó khăn, vướng mắc và tổng hợp, kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền các giải pháp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế trong công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

a) Đối với Đoàn giám sát: Hoạt động giám sát đảm bảo nghiêm túc, khách quan, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và kế hoạch đề ra; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giám sát; các thành viên đoàn giám sát bố trí thời gian, công việc tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát theo kế hoạch tổng hợp báo cáo kết quả giám sát cho Thường trực HĐND tỉnh.

b) Đối với cơ quan, đơn vị được giám sát:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giám sát thực hiện đầy đủ nội dung, yêu cầu của Kế hoạch giám sát và báo cáo bằng văn bản theo đề cương kèm theo kế hoạch này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo;

- Cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Đoàn giám sát; bố trí địa điểm làm việc và phân công cán bộ, công chức và viên chức có trách nhiệm tham gia làm việc với Đoàn giám sát; thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau giám sát.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát: Giám sát tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020.

Mốc thời gian giám sát: Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2020.

2. Đối tượng giám sát

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bình Định;
- Hợp tác xã Nông nghiệp Nhơn Phúc;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Hoài Ân.

3. Hình thức giám sát

- Giám sát gián tiếp thông qua báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng giám sát và các tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát.
- Giám sát trực tiếp thông qua làm việc với một số cơ quan, đơn vị, địa phương; khảo sát một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thuộc đối tượng giám sát.

III. NỘI DUNG, THÀNH PHẦN VÀ THỜI GIAN

1. Nội dung giám sát

- Công tác chỉ đạo điều hành; phối hợp trong công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi;
- Hiệu quả trong công tác đầu tư, quản lý, khai thác các công trình thủy lợi;
- Những khó khăn, tồn tại, hạn chế trong công tác đầu tư, quản lý, khai thác các công trình thủy lợi;
- Những đề xuất, kiến nghị của địa phương, đơn vị.

(Có đề cương gợi ý báo cáo giám sát kèm theo)

2. Thành phần làm việc

a) Đoàn giám sát: Theo Điều 1, Quyết định số 77/QĐ-KTNS ngày 30/9/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách.

b) Cơ quan, đơn vị được giám sát:

- Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Lãnh đạo và công chức, viên chức các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc có liên quan;
- Mời lãnh đạo Thường trực HĐND cấp huyện tham gia hoạt động giám sát tại các địa phương thuộc đối tượng giám sát theo Kế hoạch.

3. Thời gian giám sát: Dự kiến từ ngày 18/10/2021 đến 29/10/2021 (Đoàn giám sát thông báo thời gian, lịch làm việc cụ thể sau)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Đoàn giám sát và thành phần mời tham gia Đoàn giám sát tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn theo Kế hoạch này và nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung để tham gia ý kiến khi đến làm việc với đối tượng giám sát.

2. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng giám sát xây dựng báo cáo bằng văn bản theo nội dung đề cương gửi kèm Kế hoạch này và gửi về Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh trước ngày 10/10/2021 (gửi Báo cáo qua địa chỉ email: nguyenhoangthien88@gmail.com); chuẩn bị đầy đủ tài liệu theo yêu cầu; phối hợp và hỗ trợ với Đoàn giám sát thực hiện tốt Kế hoạch này.

3. Đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đảm bảo các điều kiện để Đoàn giám sát thực hiện hoạt động giám sát theo Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch giám sát về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương và Đoàn giám sát phối hợp triển khai thực hiện./.



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO GIÁM SÁT

Tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 77 /QĐ-KTNS ngày 30 tháng 9 năm 2021
của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

Các cơ quan, đơn vị được yêu cầu báo cáo căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để xây dựng nội dung báo cáo Đoàn giám sát. Trong đó, cần tập trung những nội dung chủ yếu sau:

A. ĐỐI VỚI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

I. Khái quát đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động thủy lợi.

II. Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp

1. Kết quả thực hiện

- Việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi;
- Việc ban hành và tham mưu cho cấp ủy và chính quyền các văn bản liên quan đến công tác quản lý nhà nước;
- Đánh giá về công tác phối hợp giữa các sở ngành, các chủ đầu tư với các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện (*công tác phối hợp trong đầu tư, xây dựng công trình; công tác quản lý, sử dụng; vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình, phòng chống thiên tai trên địa bàn...*).
- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các công trình (tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra; kết quả thanh tra, kiểm tra và công tác thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra; công tác giám sát việc thực hiện các công trình...); việc kiểm tra, xử lý các vi phạm (nếu có); việc khắc phục các kết luận Thanh tra, Kiểm toán nhà nước hàng năm (nếu có); việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thủy lợi trên địa bàn tỉnh (nếu có).

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Những tồn tại, hạn chế

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

III. Đánh giá hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

1. Những kết quả đạt được

1.1. Hoạt động quản lý, khai thác

+ Công tác quản lý, khai thác, vận hành và phòng chống thiên tai các công trình thủy lợi.

+ Công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

1.2. Hiệu quả đầu tư

- Đánh giá cụ thể hiệu quả sử dụng của từng hệ thống, công trình so với công suất thiết kế (diện tích tưới thực tế so với thiết kế; khả năng hoạt động của hệ thống kênh tưới, kênh tiêu)

- Khả năng đáp ứng nhu cầu cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;

- Khả năng đáp ứng nhu cầu cấp nước cho lĩnh vực khác.

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

2.1. Vướng mắc khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

2.2. Tồn tại, hạn chế (*nêu rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại, hạn chế*).

2.3. Các giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng và khai thác bảo vệ các công trình.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị đối với Chính phủ, các bộ ngành Trung ương

2. Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với tỉnh.

3. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(Kèm theo các phụ lục, biểu mẫu thuyết minh bổ sung, làm rõ hơn cho bản báo cáo).

B. ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH

I. Sơ lược về đơn vị, tổ chức, tình hình hoạt động của Công ty

II. Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp

- Việc ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi của Công ty.

- Công tác phối hợp trong quá trình thực hiện đầu tư, quản lý, khai thác, phòng chống thiên tai, bảo vệ công trình thủy lợi.

III. Đánh giá hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

1. Hoạt động quản lý, khai thác

- Công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi của Công ty được UBND tỉnh giao làm chủ thể khai thác.

- Việc quản lý, phân bổ tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi do đơn vị quản lý, sử dụng.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; phòng chống thiên tai, bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định và UBND tỉnh giao.

2. Hiệu quả đầu tư

Đánh giá cụ thể hiệu quả sử dụng thực tế của từng hệ thống, công trình so với công suất thiết kế.

IV. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

1. Vướng mắc khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế (nêu rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại, hạn chế).

3. Các giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng và khai thác bảo vệ các công trình.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị đối với Chính phủ, các bộ ngành Trung ương

2. Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với tỉnh.

3. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

C. ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP NHƠN PHÚC

I. Sơ lược về đơn vị, tổ chức, tình hình hoạt động của Hợp tác xã

II. Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp

- Việc ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi của Hợp tác xã.

- Công tác phối hợp trong quá trình thực hiện đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành, phòng chống thiên tai, bảo vệ công trình thủy lợi.

III. Đánh giá hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

1. Hoạt động quản lý, khai thác

- Công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi do Hợp tác xã được UBND huyện giao làm chủ thể khai thác.

- Việc quản lý, phân bổ tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi do đơn vị quản lý, sử dụng.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; bảo vệ, phòng chống thiên tai, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định và UBND thị xã và UBND xã giao.

2. Hiệu quả đầu tư

Đánh giá cụ thể hiệu quả sử dụng thực tế của từng công trình so với công suất thiết kế.

IV. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

1. Vướng mắc khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế (*nêu rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại, hạn chế*).

3. Các giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng và khai thác bảo vệ các công trình.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với tỉnh.

2. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

D. TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP HUYỆN HOÀI AN

I. Sơ lược về đơn vị, tổ chức, tình hình hoạt động của Trung tâm

II. Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp

- Việc ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi của Trung tâm.

- Công tác phối hợp trong quá trình thực hiện đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành, phòng chống thiên tai và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

III. Đánh giá hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

1. Hoạt động quản lý, khai thác

- Công tác quản lý, khai thác, vận hành, các công trình thủy lợi của Trung tâm được UBND huyện giao làm chủ thể khai thác.

- Việc quản lý, phân bổ tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi do đơn vị quản lý, sử dụng.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; phòng chống thiên tai; bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định và UBND huyện giao.

2. Hiệu quả đầu tư

Đánh giá cụ thể hiệu quả sử dụng thực tế của từng công trình so với công suất thiết kế.

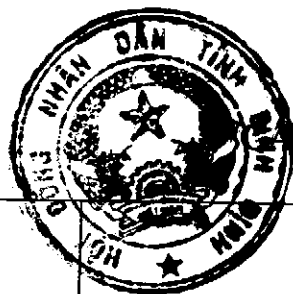
IV. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

1. Vương mắc khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.
2. Tồn tại, hạn chế (*nêu rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại, hạn chế*).
3. Các giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng và khai thác bảo vệ các công trình.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với tỉnh.
2. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(Kèm theo các phụ lục, biểu mẫu thuyết minh bổ sung, làm rõ hơn cho bản báo cáo)./.



BIỂU THỐNG KÊ
CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐƯỢC PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC

STT	Tên công trình	Địa điểm	Kinh phí đầu tư	Dung tích hồ chứa hoặc diện tích tưới theo thiết kế	Dung tích hồ chứa hoặc diện tích tưới thực tế	Địa phương, đơn vị quản lý sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

Ghi chú:

- * UBND cấp huyện thống kê toàn bộ các công trình thủy lợi cấp xã và cấp huyện quản lý, khai thác;
- * Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định báo cáo cột (4) thành 2 cột: Nguyên giá và giá trị còn lại của công trình đến thời điểm 31/12/2020;
- * Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống kê toàn bộ công trình thủy lợi cấp huyện, cấp tỉnh quản lý và khai thác;
- * Cột ghi chú: Đánh giá tình trạng, hiệu quả công trình thủy lợi:
 - Hư hỏng, xuống cấp;
 - Đang sử dụng, không sử dụng;
 - Hiệu quả, không hiệu quả.
 - Ghi chú khác (nếu có).